

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2026/DS-PT
Ngày: 08-01-2026
V/v tranh chấp: “Chia di sản
thừa kế theo pháp luật”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Hồng Tâm

Bà Nguyễn Thanh Nhân

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Ngô Phúc Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Thanh Bạch - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 465/2025/TLPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp “Chia di sản thừa kế theo pháp luật”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 101/2025/DS-ST ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1313/2025/QĐ-PT ngày 11 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Phạm Văn T, sinh năm 1963 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Nay là ấp Đ, xã G, tỉnh Đồng Tháp).

- **Bị đơn:** Ông Phạm Văn S, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Nay là ấp Đ, xã G, tỉnh Đồng Tháp).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Phạm Thị S1, sinh năm 1959 (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1971 (vắng mặt).

3. Chị Phạm Thị Kim D, sinh năm 1996 (vắng mặt).

4. Bà Đoàn Thị Phương T1, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Nay là ấp Đ, xã G, tỉnh Đồng Tháp).

5. Bà Phạm Thị T2, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Nay là xã G, tỉnh Đồng Tháp).

6. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố L, TT. V, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Nay là xã G, tỉnh Đồng Tháp).

7. Ông Phạm Văn T3, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: G đường số A, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

8. Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Nay là ấp G, xã G, tỉnh Đồng Tháp).

9. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

Cơ quan kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

Địa chỉ: A Rạch G, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

10. Ngân hàng thương mại cổ phần Đ - Phòng G, tỉnh Tiền Giang (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: A T, phường B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang (Nay là A T, phường L, tỉnh Đồng Tháp).

11. Anh Phạm Minh T4, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố X, phường L, thành phố G, tỉnh Tiền Giang (Nay là khu phố X, phường L, tỉnh Đồng Tháp).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Phạm Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn ông Phạm Văn T trình bày:

Nguyên cha của ông là ông Phạm Văn S2 có một thửa đất được tạo lập từ rất lâu. Ngày 04/02/2012, cha ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa đất số 468, tờ bản đồ số 02 tại ấp Đ, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Nhưng đến ngày 03/11/2012, cha ông mất, kể từ đó đến nay thì em trai ông là ông Phạm Văn S sử dụng thửa đất này. Do không hiểu biết về pháp luật nên ông cũng không biết mình được hưởng di sản thừa kế của cha ông. Nay ông được biết em trai ông là ông S đã đứng tên thửa đất số 468 nên ông khởi kiện ông Phạm Văn S yêu cầu

được chia di sản thừa kế của cha ông là ông Phạm Văn S2 theo quy định pháp luật đối với quyền sử dụng thửa đất số 468, tờ bản đồ số 02, diện tích 176m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Đ, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn ông Phạm Văn S và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: bà Nguyễn Thị P, chị Phạm Thị Kim D, bà Đoàn Thị Phương T1, bà Phạm Thị T2, bà Phạm Thị H, ông Phạm Văn T3, bà Phạm Thị H1 không đến Tòa án theo giấy triệu tập, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Phạm Thị S1 trình bày:

Cha của bà là ông Phạm Văn S2 có một mảnh đất nay là thửa số 468, tờ bản đồ số 2, diện tích 176m² tọa lạc tại ấp Đ, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Nay bà yêu cầu được chia một phần di sản thừa kế của cha bà để lại để bà gìn giữ đất của bà. Bà yêu cầu giải quyết cùng với vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Minh T4 trình bày:

Anh là con của ông S và bà P. Anh xác định nguồn gốc thửa đất số 468 là của ông bà nội anh quản lý sử dụng từ trước đây, từ khi anh sinh ra thì gia đình anh sinh sống cùng ông bà tại nhà đất cất trên phần đất đối diện với thửa 468 (cách thửa 468 một con đường đi - hiện là tỉnh lộ 871). Sau khi ông bà nội anh chết, cha mẹ anh dời nhà sang phần đất tiếp giáp nằm phía trong thửa 468 sinh sống cho đến nay. Hiện trên thửa đất số 468, ba anh có xây cất cửa hàng bán vật tư nông nghiệp và mở 01 tiệm thuốc tây cho em gái anh là chị D buôn bán. Nay anh thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn và không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông trình bày:

Chi cục Thi hành án dân sự huyện G đang thụ lý thi hành Bản án số 520/2022/DS-PT ngày 20/9/2023 của TAND tỉnh Tiền Giang. Nội dung bản án tuyên:

“Buộc ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ tháo dỡ một phần nhà kho tạm cất trên phần đất cho bà Đoàn Thị Phương T1 mở lối đi thuộc thửa 468, tờ bản đồ số 02 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03572 do UBND huyện G cấp ngày 01/12/2014 tại ấp Đ, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang cho ông Phạm Văn S đứng tên, diện tích 6,80m².

Phần đất mở lối đi có vị trí tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp đất ông Trần Văn M, kích thước 6,71m.
- Hướng Tây giáp phần đất còn lại của ông S thuộc thửa 468, kích thước 6,89m.
- Hướng Nam giáp Tỉnh lộ 871, kích thước 01m.
- Hướng Bắc giáp đất bà T1 thuộc thửa 633, kích thước 01m.

Bà Đoàn Thị Phương T1 tự nguyện đền bù thiệt hại giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất mở lối đi cho ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Thị P số tiền 124.150.200 đồng.”

Quá trình tổ chức thi hành án:

- Bà Đoàn Thị Phương T1 tự nguyện đền bù thiệt hại giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất mở lối đi cho ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Thị P số tiền 124.150.200 đồng theo biên lai số 4565 ngày 27/12/2023.

- Hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông chưa thực hiện việc mở lối đi cho bà Đoàn Thị Phương T1 mà đang hoãn thi hành án theo Thông báo về việc thụ lý vụ án số 268/2023/TB-TLVA ngày 02/11/2023 của TAND huyện Gò Công Đông về việc “Tranh chấp chia thừa kế theo pháp luật”.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông thông báo sự việc trên đến TAND huyện Gò Công Đông biết để trong quá trình xét xử xem xét đến quyền và lợi ích của bà T1 theo nội dung bản án đã tuyên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng thương mại cổ phần Đ - Phòng G, Tiền Giang trình bày:

Ông Phạm Văn S đang có quan hệ tín dụng với ngân hàng, có tài sản đảm bảo đã được công chứng và đăng ký thế chấp theo đúng quy định. Ngân hàng không khởi kiện trong vụ án này do bên vay không vi phạm hợp đồng tín dụng. Trong mọi trường hợp, đề nghị Tòa án ưu tiên xem xét đảm bảo quyền lợi hợp pháp của ngân hàng trong việc thu hồi vốn vay, mọi yêu cầu ảnh hưởng đến quyền lợi của bên nhận thế chấp chỉ được thực hiện sau khi bên được đảm bảo, bên thế chấp đã hoàn thành nghĩa vụ tại ngân hàng. Ngân hàng xin vắng mặt trong các phiên họp và phiên tòa xét xử liên quan vụ án này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 101/2025/DS-ST ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp) đã quyết định áp dụng: Các Điều 108, 109, 688, 722, 733 và 735 Bộ luật Dân sự năm 2005; Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1 và khoản 2 Điều 218, khoản 2 Điều 219, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 2 Luật Người cao tuổi; Khoản 3 Điều 26 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn T về việc chia di sản thừa kế của ông Phạm Văn S2 đối với quyền sử dụng thửa đất số 468, tờ bản đồ số 02, diện tích 176m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Đ, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang hiện do ông Phạm Văn S đứng tên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03572 được UBND huyện G cấp ngày 01/12/2014.

2. Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Phạm Thị S1 về việc chia di sản thừa kế của ông Phạm Văn S2 đối với quyền sử dụng thửa đất số 468, tờ bản đồ số 02, diện tích 176m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Đ, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang hiện do ông Phạm Văn S đứng tên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03572 được UBND huyện G cấp ngày 01/12/2014.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 06/6/2025 nguyên đơn Phạm Văn T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế di sản của cha ông là ông Phạm Văn S2 theo quy định pháp luật đối với quyền sử dụng thửa đất số 468, tờ bản đồ số 02, diện tích 176m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Đ, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Phạm Văn T vắng mặt và có đơn xin vắng mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chia thừa kế di sản của cha ông là ông Phạm Văn S2 theo quy định pháp luật đối với quyền sử dụng thửa đất số 468, tờ bản đồ số 02, diện tích 176m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Đ, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và không có ý kiến trình bày. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến: Về tố tụng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ông T kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Phạm Văn T thực hiện đúng quy định theo Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn kháng cáo đúng quy định Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn ông Phạm Văn T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Chia di sản thừa kế theo pháp luật” là đúng quy định theo khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chia di sản của cha ông là ông Phạm Văn S2 theo quy định pháp luật đối với quyền sử dụng thửa đất số 468, tờ bản đồ số 02, diện tích 176m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Đ, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Nay là ấp Đ, xã G, tỉnh Đồng Tháp). Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy phần đất tranh chấp thuộc thửa 468, tờ bản đồ số 02 diện tích 176m² tại ấp Đ, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang hiện do Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận cho ông Phạm Văn S ngày 01/12/2014 có nguồn gốc là của hộ gia đình ông Phạm Văn S2 sử dụng ổn định từ trước năm 1975 đến nay. Đến năm 2012 được Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho hộ ông Phạm Văn S2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01771 ngày 06/02/2012.

Ông S2 và bà Lê Thị S3 có tổng cộng 7 người con gồm: Phạm Thị S1, Phạm Văn T, Phạm Thị T2, Phạm Văn S, Phạm Thị H, Phạm Văn T3, Phạm Thị H1, ngoài ra ông S2 và bà S3 không có con nuôi nào khác.

Bà Lê Thị S3 chết ngày 18/02/2012 không để lại di chúc, ông Phạm Văn S2 chết ngày 03/11/2012 cũng không để lại di chúc. Sau khi ông S2 chết, các thành viên trong hộ ông S2 và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông S2, bà S3 gồm bà Phạm Thị S1, ông Phạm Văn T, bà Phạm Thị T2, bà Phạm Thị H, ông Phạm Văn T3, bà Phạm Thị H1 cùng các thành viên trong hộ ông S2 tại thời điểm ngày 06/02/2012 nhường lại kỹ phần thừa kế và tặng cho ông Phạm Văn S phần quyền sử dụng đất của họ thửa đất số 468, tờ bản đồ số 02, diện tích 176m² theo Văn bản phân chia và tặng cho di sản thừa kế được công chứng tại Văn phòng C số 89, quyền số 01 TP/CC-SCC/DSTK vào ngày 18/11/2014 và Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được công chứng tại Văn phòng C số 992, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD vào ngày 18/11/2014 trên cơ sở tự nguyện và được công chứng theo đúng quy định tại các Điều 108, 109, 722, 723, 735 Bộ luật Dân sự năm 2005. Ông S đã được UBND huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/12/2014 theo đúng quy định pháp luật và ông S đã trực tiếp quản lý sử dụng từ năm 2014 đến nay. Ông S đã tiến hành xây cất cửa hàng vật tư nông nghiệp, cho con gái ông mở tiệm thuốc tây. Do đó thửa đất số 468 trên đã không còn là di sản thừa kế của ông Phạm Văn S2 kể từ ngày ông S được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, ông T kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Các phần khác của bản án sơ thẩm ông T và các đương sự không có kháng cáo nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ những phân tích trên, xét yêu cầu kháng cáo của ông T là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của ông T không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông T phải chịu án phí phúc thẩm, tuy nhiên ông T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được Hội đồng xét xử chấp nhận miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 101/2025/DS-ST ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp).

Căn cứ các Điều 108, 109, 688, 722, 733 và 735 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1 và khoản 2 Điều 218, khoản 2 Điều 219, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi;

Căn cứ khoản 3 Điều 26 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn T về việc chia di sản thừa kế của ông Phạm Văn S2 đối với quyền sử dụng thửa đất số 468, tờ bản đồ số 02, diện tích 176m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Đ, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Nay là ấp Đ, xã G, tỉnh Đồng Tháp) hiện do ông Phạm Văn S đứng tên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03572 được UBND huyện G cấp ngày 01/12/2014.

2. Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Phạm Thị S1 về việc chia di sản thừa kế của ông Phạm Văn S2 đối với quyền sử dụng thửa đất số 468, tờ bản đồ số 02, diện tích 176m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Đ, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Nay là ấp Đ, xã G, tỉnh Đồng Tháp) hiện do ông Phạm Văn S đứng tên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03572 được UBND huyện G cấp ngày 01/12/2014.

3. Về án phí: Ông Phạm Văn T được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND Khu vực 2 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diệp Thúy